

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRONG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, NÂNG CẤP CHUỖI GIÁ TRỊ TOÀN CẦU, GÓP PHẦN TẠO ĐỘNG LỰC MỚI CHO TĂNG TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG

Học viện Tài chính, Phân hiệu Hưng Yên
Academy of Finance - Hung Yen Province Campus
* Email: nguyenthithuhuong2@hvtc.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/8/2026

Ngày sửa bài: 28/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 10/9/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích vai trò của doanh nghiệp Việt Nam trong đổi mới sáng tạo và nâng cấp chuỗi giá trị toàn cầu (GVC) giai đoạn 2020-2025, tập trung vào quy mô phát triển doanh nghiệp, mức độ tham gia hội nhập và GVC, năng lực đổi mới sáng tạo và những điểm nghẽn trong quá trình nâng cao giá trị gia tăng. Kết quả cho thấy, mặc dù quy mô doanh nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo và mức độ hội nhập được cải thiện, khả năng làm chủ công nghệ, liên kết với khu vực FDI và nâng cấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao vẫn còn hạn chế. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp phát huy vai trò doanh nghiệp trong đổi mới sáng tạo, nâng cấp GVC và gia tăng giá trị nội địa, qua đó tạo động lực mới cho tăng trưởng.

Từ khóa: doanh nghiệp Việt Nam, đổi mới sáng tạo, đổi mới mô hình tăng trưởng, chuỗi giá trị toàn cầu.

Enhancing the role of Vietnamese enterprises in innovation and global value chain upgrading to create new drivers of growth

Abstract:

This study examines the role of Vietnamese enterprises in innovation and global value chain (GVC) upgrading during the 2020–2025 period, focusing on enterprise development, the extent of international integration and participation in GVCs, innovation capacity, and key bottlenecks in increasing value added. The findings show that although enterprise development, innovation capacity, and the level of international integration have improved, Vietnamese enterprises still face limitations in technological mastery, linkages with the foreign direct investment (FDI) sector, and their ability to move into higher-value-added stages of global value chains. Based on these findings, the study proposes solutions to strengthen the role of enterprises in innovation, facilitate GVC upgrading, and increase domestic value added, thereby creating new drivers of economic growth.

Keywords: Vietnamese enterprises, innovation, growth model transformation, global value chains

1. Đặt vấn đề

Sau gần 40 năm đổi mới và hội nhập, Việt Nam đã và đang trở thành nền kinh tế có độ mở cao, tham gia ngày càng sâu vào thương mại và chuỗi giá trị toàn cầu. Trong đó, doanh nghiệp giữ vai trò ngày càng quan trọng trong tăng trưởng, xuất khẩu, tạo việc làm và kết nối nền kinh tế với thị trường quốc tế. Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp vẫn tập trung ở các công đoạn có giá trị gia tăng thấp, trong khi năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo, liên kết với khu vực FDI và khả năng làm chủ các khâu có giá trị cao còn hạn chế. Đây là một thách thức quan trọng đối với yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong giai đoạn phát triển mới của Việt Nam.

Đứng trước bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, với thành tựu của nó là khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi phương thức cạnh tranh, đổi mới sáng tạo trở thành động lực then chốt để doanh nghiệp nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng. Đồng thời, mục tiêu phát triển Việt Nam trở thành nước có thu nhập cao vào năm 2045 càng đòi hỏi các doanh nghiệp không chỉ là chủ thể sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế mà phải trở thành chủ thể trực tiếp của đổi mới sáng tạo, có khả năng chuyển hóa tri thức, công nghệ và dữ liệu thành sản phẩm, năng suất và giá trị gia tăng. Đây chính là một trong những động lực mạnh mẽ cho đổi mới mô hình tăng trưởng ở Việt Nam giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, làm thế nào để doanh nghiệp Việt Nam chuyển từ chủ yếu tham gia sang từng bước nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu; từ ứng dụng sang hấp thụ, làm chủ và sáng tạo công nghệ; từ đóng góp vào tăng trưởng theo chiều rộng sang trở thành động lực của tăng trưởng dựa trên năng suất và đổi mới sáng tạo? Đây chính là cơ sở để nghiên cứu vai trò của doanh nghiệp Việt Nam trong đổi mới sáng tạo và nâng cấp chuỗi giá trị toàn cầu, qua đó đề xuất một số giải pháp phù hợp với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng của Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

2. Tính tất yếu phải đổi mới sáng tạo và nâng cấp chuỗi giá trị toàn cầu của doanh nghiệp Việt Nam trong kỷ nguyên mới

Thứ nhất, yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng đặt doanh nghiệp vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển

Mô hình tăng trưởng có thể được hiểu là cách thức một nền kinh tế huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực để tạo ra tăng trưởng về sản lượng, thu nhập và năng lực phát triển trong một giai đoạn nhất định. Do đó, bước vào kỷ nguyên mới, đổi mới sáng tạo và nâng cấp chuỗi giá trị toàn cầu không còn là lựa chọn mà trở thành yêu cầu tất yếu đối với doanh nghiệp Việt Nam. Đây là con đường để chuyển từ lợi thế dựa vào nguồn lực và chi phí sang lợi thế dựa trên công nghệ, tri thức, năng suất và giá trị gia tăng, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng của Việt Nam.

Mặt khác, yêu cầu duy trì tăng trưởng nhanh, bền vững và hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045 đòi hỏi Việt Nam phải đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đây không đơn thuần là thay đổi tốc độ tăng trưởng, mà là sự chuyển dịch về chất lượng, động lực và phương thức tạo ra giá trị, từ dựa nhiều vào các nguồn lực truyền thống sang dựa ngày càng nhiều vào năng suất, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nhận thức tầm quan trọng của việc phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW "Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia" đã xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là những đột phá quan trọng, là động lực chính để đưa đất nước phát triển hùng cường. Qua đó, Bộ chính trị đặt ra yêu cầu chuyển hóa tri thức và công nghệ thành năng lực sản xuất, năng suất và

các sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Đồng thời, Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân nhấn mạnh vai trò của khu vực kinh tế tư nhân như một động lực quan trọng của nền kinh tế, qua đó tạo yêu cầu mới đối với doanh nghiệp: không chỉ là chủ thể sản xuất, kinh doanh mà phải từng bước trở thành chủ thể đổi mới sáng tạo và cạnh tranh quốc tế. Vì vậy, phát huy vai trò của doanh nghiệp gắn với việc hình thành và phát triển các doanh nghiệp có quy mô, năng lực công nghệ và khả năng dẫn dắt chuỗi cung ứng, đồng thời nâng cao năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa để tham gia sâu hơn vào hệ sinh thái sản xuất, đổi mới sáng tạo và chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ hai, sự thay đổi nhanh của công nghệ và cạnh tranh quốc tế đòi hỏi doanh nghiệp chuyển từ ứng dụng sang làm chủ và sáng tạo công nghệ

Sự phát triển của dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa và các nền tảng số đang làm thay đổi phương thức sản xuất và cạnh tranh. Lợi thế không còn chủ yếu thuộc về doanh nghiệp có chi phí thấp mà ngày càng thuộc về doanh nghiệp có khả năng hấp thụ tri thức, làm chủ công nghệ và tạo ra đổi mới. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam cần tăng cường đầu tư cho R&D, phát triển nhân lực chất lượng cao và chuyển đổi số, qua đó nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh.

Thứ ba, hội nhập sâu rộng đặt ra yêu cầu chuyển từ tham gia sang nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu

Hiện nay, Việt Nam đã và đang tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do và trở thành một mắt xích quan trọng trong mạng lưới sản xuất khu vực, tạo điều kiện mở rộng thị trường, thu hút FDI, tiếp nhận công nghệ và thúc đẩy xuất khẩu. Tuy nhiên, các doanh nghiệp trong nước chủ yếu tham gia vào những công đoạn sử dụng nhiều lao động, gia công, lắp ráp hoặc cung ứng các đầu vào có giá trị gia tăng thấp nên chưa tạo ra mức gia tăng tương ứng về năng suất, năng lực công nghệ và giá trị nội địa. Vì vậy, hội nhập sâu rộng đặt ra yêu cầu doanh nghiệp Việt Nam chuyển từ tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở các khâu có giá trị gia tăng thấp sang nâng cấp vị trí trong chuỗi ở các khâu có giá trị gia tăng cao hơn như thiết kế, R&D, phát triển sản phẩm, công nghệ, logistics, marketing và xây dựng thương hiệu. Đồng thời, cần tăng cường liên kết với doanh nghiệp FDI và các tập đoàn đa quốc gia để tiếp nhận công nghệ, tiêu chuẩn quản trị và mở rộng mạng lưới thị trường. Mục tiêu cuối cùng không chỉ là tham gia GVC, mà là gia tăng phần giá trị do doanh nghiệp Việt Nam tạo ra và giữ lại trong nước.

3. Thực trạng phát huy vai trò của doanh nghiệp Việt Nam trong đổi mới sáng tạo và nâng cao chuỗi giá trị toàn cầu

3.1. Thực trạng quy mô phát triển doanh nghiệp Việt Nam

Giai đoạn 2020-2025, khu vực doanh nghiệp Việt Nam phát triển trong bối cảnh có nhiều biến động lớn của kinh tế trong nước và quốc tế. Đại dịch COVID-19 trong các năm 2020-2021 gây gián đoạn hoạt động sản xuất, kinh doanh, làm suy giảm nhu cầu thị trường và ảnh hưởng đáng kể đến khả năng duy trì hoạt động của doanh nghiệp. Từ năm 2022, cùng với quá trình phục hồi kinh tế, hoạt động gia nhập thị trường có xu hướng tăng trở lại. Đặc biệt, năm 2024-2025 ghi nhận sự cải thiện rõ rệt về số lượng doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động.

Nếu xem xét đồng thời doanh nghiệp thành lập mới, doanh nghiệp quay trở lại hoạt động và doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, có thể thấy bức tranh phát triển doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn này mang tính hai chiều. Một mặt, khả năng khởi sự kinh doanh và phục hồi hoạt động được cải thiện, phản ánh sức sống và mức độ năng động của khu vực doanh nghiệp. Mặt khác, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường cũng tăng lên, cho thấy sức ép cạnh tranh, khả năng chống chịu và năng lực duy trì hoạt động của doanh nghiệp vẫn còn là vấn đề đáng quan tâm.

Bảng 1. Thực trạng số lượng doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2020 -2025*Đơn vị: Nghìn doanh nghiệp*

Năm	Thành lập mới	Quay trở lại hoạt động	Gia nhập và tái gia nhập thị trường	Rút lui khỏi thị trường
2020	134,9	44,1	179,0	101,7
2021	116,8	43,1	159,9	119,8
2022	148,5	59,8	208,3	143,2
2023	159,3	58,4	217,7	172,6
2024	157,2	76,2	233,4	197,9
2025	195,1	102,3	297,5	227,2

Nguồn: Cục Thống kê (2021 - 2026), tổng hợp của tác giả.

Bảng 1 cho thấy, sức sống của khu vực doanh nghiệp được cải thiện đáng kể. Nếu năm 2021 số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động chỉ đạt 159,9 nghìn, thì đến năm 2025 đã tăng lên 297,5 nghìn, gần gấp 1,9 lần. Đáng chú ý, năm 2025 số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động đạt 102,3 nghìn, tăng 34,3% so với năm trước, cho thấy khả năng phục hồi và niềm tin kinh doanh được củng cố khi Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân được ban hành. Đây là tín hiệu tích cực, phản ánh sự cải thiện mạnh mẽ của động lực khởi sự kinh doanh, khả năng phục hồi của doanh nghiệp và niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp với định hướng phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tuy nhiên, sự gia tăng về số lượng chưa đồng nghĩa với sự cải thiện tương ứng về chất lượng và năng lực cạnh tranh. Năm 2025, bên cạnh 297,5 nghìn doanh nghiệp gia nhập/tái gia nhập thị trường vẫn có 227,2 nghìn doanh nghiệp rút lui, tăng 14,8% so với năm 2024. Điều này cho thấy, thị trường có sức năng động cao nhưng mức độ đào thải cũng lớn, đặt ra yêu cầu chuyển từ phát triển doanh nghiệp về lượng sang nâng cao chất lượng, năng suất, khả năng chống chịu và năng lực đổi mới sáng tạo.

Đây cũng chính là tiền đề để doanh nghiệp Việt Nam chuyển từ mở rộng quy mô và tham gia thị trường sang nâng cao năng lực nội sinh, làm chủ công nghệ và tạo ra giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu.

3.2. Thực trạng doanh nghiệp Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế và chuỗi giá trị toàn cầu

Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo điều kiện để doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường, tiếp cận nguồn vốn, công nghệ và tham gia ngày càng sâu vào các chuỗi cung ứng toàn cầu. Quy mô thương mại hàng hóa tăng nhanh, cùng với dòng vốn FDI lớn vào các ngành sản xuất và xuất khẩu, đã góp phần đưa Việt Nam trở thành một mắt xích quan trọng trong mạng lưới sản xuất khu vực và toàn cầu.

Bảng 2. Quy mô thương mại và vai trò của khu vực FDI trong xuất khẩu Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025

Đơn vị: tỷ USD; %

Năm	Tổng XNK hàng hóa	Xuất khẩu	Xuất khẩu khu vực trong nước	Xuất khẩu khu vực FDI	Tỷ trọng FDI trong XK
2020	543,9	281,5	78,2	203,3	72,2
2021	668,5	336,3	91,1	245,2	72,9
2022	732,5	≈371,9	≈95,4	≈276,5	74,4

2023	≈683,0	≈354,7	≈95,9	≈258,8	73,0
2024	786,93	405,94	114,59	290,94	71,7
2025	930,05	475,04	107,95	367,09	77,3

Nguồn: Cục Thống kê, tổng hợp của tác giả.

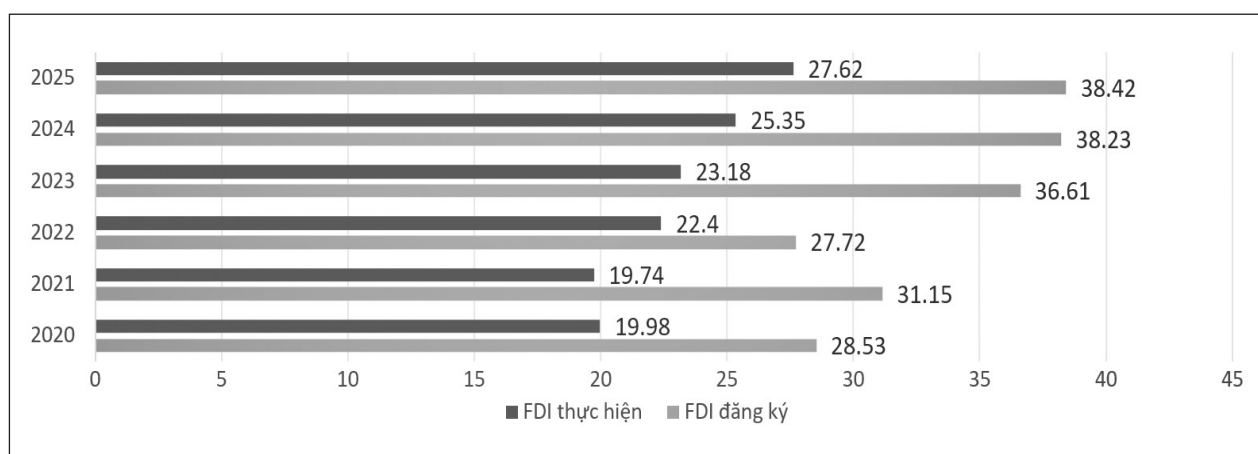
Bảng 2 cho thấy, mức độ hội nhập thương mại của Việt Nam ngày càng sâu rộng, thể hiện qua quy mô xuất nhập khẩu tăng mạnh và khả năng duy trì đà tăng trưởng xuất khẩu sau đại dịch. Tuy nhiên, một đặc điểm nổi bật là khu vực FDI vẫn giữ vai trò chi phối trong xuất khẩu. Tỷ trọng xuất khẩu của khu vực FDI duy trì trên 70% trong toàn bộ giai đoạn và tăng lên 77,3% năm 2025; trong khi khu vực kinh tế trong nước chỉ chiếm 22,7% kim ngạch xuất khẩu. Đặc biệt, xuất khẩu của khu vực trong nước năm 2025 đạt 107,95 tỷ USD, giảm 6,1% so với năm 2024, trong khi khu vực FDI tăng 26,1%.

Điều này cho thấy, hội nhập của Việt Nam đã đạt được bước tiến lớn về quy mô nhưng mức độ tham gia của doanh nghiệp trong nước vào các khâu có giá trị gia tăng cao của GVC vẫn là vấn đề cần tiếp tục cải thiện. Vì vậy, vấn đề không chỉ là Việt Nam có tham gia sâu vào thương mại quốc tế hay không, mà quan trọng hơn là doanh nghiệp Việt Nam đang đảm nhận vị trí nào trong chuỗi, tạo ra bao nhiêu giá trị và giữ lại bao nhiêu giá trị trong nền kinh tế.

Một nhân tố quan trọng thúc đẩy quá trình hội nhập và tham gia GVC của Việt Nam là dòng vốn FDI. FDI không chỉ bổ sung vốn cho đầu tư phát triển mà còn tạo điều kiện để Việt Nam tiếp cận công nghệ, phương thức quản trị, mạng lưới sản xuất và thị trường quốc tế.

Hình 1. Thực trạng thu hút FDI của Việt Nam giai đoạn 2020 - 2025

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; từ năm 2025, Bộ Tài chính/Cục Đầu tư nước ngoài

Hình 1 trên cho thấy, Việt Nam tiếp tục là điểm đến quan trọng của dòng vốn FDI. Đáng chú ý, FDI thực hiện tăng từ 19,98 tỷ USD năm 2020 lên 27,62 tỷ USD năm 2025, mức cao nhất trong 5 năm và tăng 9% so với năm 2024. FDI đăng ký năm 2025 đạt 38,42 tỷ USD.

Cơ cấu FDI cũng cho thấy vai trò nổi bật của công nghiệp chế biến, chế tạo, qua đó góp phần đưa Việt Nam tham gia sâu hơn vào mạng lưới sản xuất khu vực và toàn cầu. Tuy nhiên, sự hiện diện lớn của doanh nghiệp FDI trong xuất khẩu đồng thời đặt ra yêu cầu nâng cao liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước, tăng khả năng tiếp nhận và làm chủ công nghệ, phát triển công nghiệp hỗ trợ và nâng cao tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa. Bộ Tài chính cũng ghi nhận xu hướng FDI tiếp tục tập trung vào các lĩnh

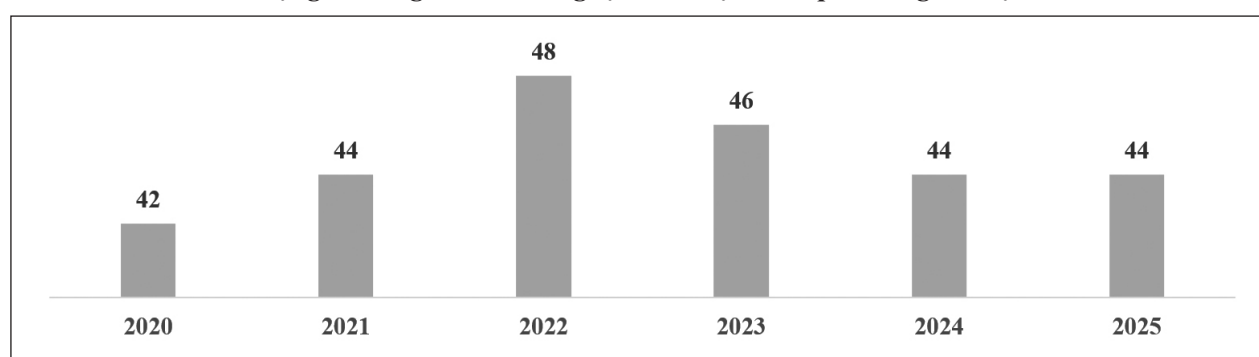
vực như điện tử, bán dẫn, chuyển đổi số và công nghệ cao, mở ra cơ hội để Việt Nam nâng cấp vị trí trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tuy nhiên, mức độ hội nhập cao chưa đồng nghĩa với khả năng nâng cấp vị trí của doanh nghiệp Việt Nam trong GVC. Tỷ lệ doanh nghiệp nội địa có liên kết với GVC giảm từ 35% năm 2009 xuống 18% năm 2023. Năm 2023, xuất khẩu trực tiếp tương đương khoảng 30% doanh số của doanh nghiệp FDI nhưng chỉ 2,8% doanh số của doanh nghiệp trong nước; nếu tính cả xuất khẩu gián tiếp, các tỷ lệ tương ứng là 36,7% và 3,6%. Những số liệu này cho thấy doanh nghiệp Việt Nam vẫn gặp hạn chế trong kết nối với các mạng lưới sản xuất và thị trường quốc tế.

3.3. Thực trạng vị thế đổi mới sáng tạo của Việt Nam và vai trò của các doanh nghiệp

Đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành động lực quan trọng nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Việt Nam đã có những bước tiến đáng ghi nhận về năng lực đổi mới sáng tạo.

Hình 2. Thứ hạng về năng đổi mới sáng tạo của Việt Nam qua GII giai đoạn 2020 - 2025



Nguồn: World Intellectual Property Organization (WIPO), Global Innovation Index, tổng hợp của tác giả

Nhìn Hình 2 cho thấy, Việt Nam duy trì thứ hạng khá tích cực trong Global Innovation Index (GII), từ vị trí 42 năm 2020 lên 44 năm 2025; năm 2025 đứng thứ 44/139 nền kinh tế, thứ 2 trong nhóm 37 nền kinh tế thu nhập trung bình thấp và thứ 9 trong khu vực Đông Nam Á, Đông Á và châu Đại Dương. Đáng chú ý, Việt Nam có kết quả đầu ra đổi mới sáng tạo tốt hơn đầu vào, lần lượt xếp thứ 37 và 50, cho thấy khả năng chuyển hóa một phần nguồn lực thành kết quả đổi mới sáng tạo (WIPO, 2025).

Tuy nhiên, năng lực đổi mới sáng tạo ở cấp độ quốc gia chưa được chuyển hóa tương xứng thành năng lực nội sinh của doanh nghiệp trong nước. Năm 2025, Việt Nam vẫn có thứ hạng thấp hơn ở các yếu tố nền tảng như vốn con người và nghiên cứu (70), thể chế (59) và cơ sở hạ tầng (56) (WIPO, 2025). Đây là những yếu tố có ý nghĩa trực tiếp đối với khả năng nghiên cứu, hấp thụ và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp.

Hạn chế này còn thể hiện qua mức độ tham gia của doanh nghiệp Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu. Theo World Bank, tỷ lệ doanh nghiệp trong nước có liên kết với GVC giảm từ 35% năm 2009 xuống chỉ còn 18% năm 2023, mặc dù quy mô thương mại của Việt Nam tăng nhanh (Coppola, A., Dray, S., Wai-Poi, M., & Winkler, D. E, 2024). Trong khi đó, OECD cho biết khoảng 48% giá trị xuất khẩu gộp của Việt Nam là giá trị gia tăng nước ngoài, phản ánh mức độ phụ thuộc đáng kể vào đầu vào, công nghệ và mạng lưới sản xuất quốc tế (OECD, 2025).

Những kết quả trên cho thấy khoảng cách giữa hội nhập, đổi mới sáng tạo ở cấp độ nền kinh tế và năng lực tham gia của doanh nghiệp trong nước vẫn còn đáng kể. Vì vậy, vấn đề không chỉ là tăng số lượng doanh nghiệp đổi mới sáng tạo mà quan trọng hơn là nâng cao khả năng hấp thụ, làm chủ và sáng tạo công nghệ, phát triển sản phẩm mới, xây dựng tài sản trí tuệ và tham gia các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Do đó, trong giai đoạn mới, cần đặt doanh nghiệp vào vị trí trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, chuyển từ mô hình chủ yếu “tiếp nhận và ứng dụng công nghệ” sang “hấp thụ, làm chủ và sáng tạo công nghệ”. Đây là điều kiện để khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực sự trở thành động lực nâng cao năng suất, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam.

3.4. Đánh giá năng lực và những điểm nghẽn trong phát huy vai trò của doanh nghiệp Việt Nam đối với đổi mới mô hình tăng trưởng

Trên cơ sở thực trạng giai đoạn 2020-2025, có thể thấy doanh nghiệp Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong mở rộng quy mô, hội nhập và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, khả năng chuyển hóa các lợi thế về hội nhập, FDI và thị trường thành năng lực công nghệ, giá trị gia tăng và vị thế cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu vẫn còn hạn chế. Những kết quả đạt được và điểm nghẽn chủ yếu có thể khái quát như sau:

Thứ nhất, doanh nghiệp ngày càng khẳng định vai trò là động lực của tăng trưởng, nhưng chất lượng phát triển chưa tương xứng với quy mô

Số lượng doanh nghiệp gia nhập thị trường tăng mạnh, cùng với sự mở rộng về sản xuất, xuất khẩu và thị trường, cho thấy khu vực doanh nghiệp có sức sống và khả năng thích ứng ngày càng cao. Tuy nhiên, quy mô bình quân của doanh nghiệp còn nhỏ, năng lực tài chính, quản trị và khả năng tích lũy cho đầu tư dài hạn còn hạn chế. Vì vậy, phát triển về lượng chưa chuyển hóa đầy đủ thành năng lực cạnh tranh về chất, đặc biệt là năng lực đầu tư cho công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Thứ hai, doanh nghiệp đã tham gia sâu vào GVC nhưng khả năng chiếm lĩnh các khâu có giá trị gia tăng cao còn hạn chế

Hội nhập và FDI đã tạo điều kiện để doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào các mạng lưới sản xuất và chuỗi cung ứng quốc tế. Tuy nhiên, sự tham gia vẫn tập trung đáng kể ở các công đoạn gia công, lắp ráp và chế biến. Khả năng đảm nhận các khâu như R&D, thiết kế, phát triển sản phẩm, công nghệ, thương hiệu và phân phối quốc tế còn hạn chế. Điểm nghẽn không còn nằm ở mức độ tham gia GVC mà nằm ở khả năng nâng cấp vị trí và gia tăng phần giá trị doanh nghiệp Việt Nam tạo ra và giữ lại.

Thứ ba, năng lực đổi mới sáng tạo đã được cải thiện nhưng chưa trở thành năng lực cạnh tranh phổ biến của doanh nghiệp

Vị thế đổi mới sáng tạo của Việt Nam có những bước tiến tích cực, song năng lực đổi mới giữa các doanh nghiệp còn phân hóa lớn. Phần đông doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa, vẫn gặp khó khăn về vốn, nhân lực công nghệ, R&D và khả năng hấp thụ công nghệ. Do đó, đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành năng lực nội sinh và động lực thường xuyên của quá trình nâng cao năng suất.

Thứ tư, liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với khu vực FDI và hệ sinh thái khoa học - công nghệ còn yếu

FDI đóng góp lớn vào xuất khẩu, công nghệ và kết nối thị trường quốc tế, nhưng hiệu ứng lan tỏa đối với doanh nghiệp trong nước chưa tương xứng. Liên kết giữa doanh nghiệp Việt Nam với các tập đoàn đa quốc gia, cũng như giữa doanh nghiệp với trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức đổi mới sáng tạo, còn thiếu chiều sâu. Điều này làm hạn chế quá trình chuyển giao tri thức, công nghệ và hình thành năng lực nhà cung ứng trong nước.

Thứ năm, thể chế và nguồn nhân lực chưa theo kịp yêu cầu của mô hình tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo

Đổi mới công nghệ và R&D thường đòi hỏi vốn lớn, thời gian dài và mức độ rủi ro cao, trong khi khả

năng tiếp cận các nguồn lực này của doanh nghiệp còn hạn chế. Cùng với đó, thiếu hụt nhân lực chất lượng cao về công nghệ, dữ liệu, kỹ thuật và quản trị đổi mới sáng tạo đang trở thành một điểm nghẽn quan trọng. Nếu không nâng cao năng lực hấp thụ tri thức và công nghệ, doanh nghiệp khó chuyển lợi thế hội nhập thành năng lực cạnh tranh bền vững.

3.5. Một số giải pháp phát huy vai trò của doanh nghiệp Việt Nam trong đổi mới sáng tạo, nâng cấp chuỗi giá trị toàn cầu nhằm tạo động lực mới cho tăng trưởng

Từ những kết quả đạt được và các điểm nghẽn đã nhận diện, yêu cầu đặt ra là phải chuyển doanh nghiệp từ chủ thể tham gia tăng trưởng sang chủ thể tạo lập động lực tăng trưởng mới, dựa trên năng suất, công nghệ, đổi mới sáng tạo và khả năng nâng cấp chuỗi giá trị toàn cầu trong kỷ nguyên mới. Trọng tâm cần tập trung vào các giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao năng lực nội sinh và năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp

Tạo điều kiện để doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao năng lực quản trị, tài chính, nhân lực và công nghệ; khuyến khích đầu tư cho R&D, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và phát triển tài sản trí tuệ. Trọng tâm chính sách cần chuyển từ hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sang hỗ trợ doanh nghiệp hấp thụ, làm chủ và từng bước sáng tạo công nghệ, qua đó hình thành năng lực cạnh tranh dựa trên tri thức.

Thứ hai, lấy năng suất và chuyển đổi số làm động lực nâng cao năng lực cạnh tranh

Doanh nghiệp cần đẩy mạnh ứng dụng tự động hóa, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số phù hợp với ngành, đồng thời đổi mới quản trị và tổ chức sản xuất. Chuyển đổi số cần được nhìn nhận không chỉ là công cụ nâng cao hiệu quả mà còn là phương thức tạo ra sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới, góp phần nâng cao năng suất và giá trị gia tăng.

Thứ ba, thúc đẩy doanh nghiệp chuyển từ tham gia sang nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu

Chính sách thu hút FDI cần gắn chặt hơn với phát triển doanh nghiệp trong nước và hình thành mạng lưới nhà cung ứng nội địa. Doanh nghiệp Việt Nam cần nâng cao tiêu chuẩn, công nghệ và năng lực quản trị để tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng; từng bước chuyển từ gia công, lắp ráp sang thiết kế, R&D, phát triển sản phẩm, logistics, marketing và xây dựng thương hiệu. Mục tiêu cuối cùng là gia tăng phần giá trị được tạo ra và giữ lại trong nước.

Thứ tư, xây dựng hệ sinh thái liên kết doanh nghiệp - Nhà nước - viện nghiên cứu - trường đại học

Cần tăng cường liên kết giữa nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp với hoạt động nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và bảo hộ tài sản trí tuệ. Trong hệ sinh thái này, doanh nghiệp phải giữ vai trò trung tâm, Nhà nước kiến tạo môi trường và cơ chế hỗ trợ, còn viện nghiên cứu và trường đại học cung cấp tri thức, công nghệ và nguồn nhân lực.

Thứ năm, hoàn thiện thể chế và nguồn lực cho doanh nghiệp đầu tư dài hạn vào đổi mới sáng tạo

Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ và nâng cao tính ổn định, minh bạch của chính sách. Đồng thời, cần phát triển các cơ chế tài chính, tín dụng và chia sẻ rủi ro phù hợp với các dự án R&D, đổi mới công nghệ và chuyển đổi số có thời gian thu hồi vốn dài; tạo điều kiện hình thành các doanh nghiệp tư nhân có quy mô và năng lực dẫn dắt trong những ngành có tiềm năng cạnh tranh quốc tế.

Thứ sáu, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo

Đổi mới mô hình tăng trưởng trước hết đòi hỏi đổi mới chất lượng nguồn nhân lực. Cần tăng cường đào tạo nhân lực về khoa học - công nghệ, kỹ thuật, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, kỹ năng số và quản trị đổi mới sáng tạo; đồng thời gắn đào tạo với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần chuyển từ lợi thế lao động chi phí thấp sang lợi thế về lao động có kỹ năng, năng suất và khả năng sáng tạo.

4. Kết luận

Trong bối cảnh Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới, đổi mới sáng tạo và nâng cấp chuỗi giá trị toàn cầu trở thành yêu cầu tất yếu đối với doanh nghiệp và là điều kiện quan trọng để đổi mới mô hình tăng trưởng. Giai đoạn 2020-2025 cho thấy, khu vực doanh nghiệp đã có bước phát triển tích cực, mức độ hội nhập ngày càng sâu và năng lực đổi mới sáng tạo từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, những hạn chế về quy mô, năng lực công nghệ, khả năng hấp thụ đổi mới, chất lượng nguồn nhân lực và liên kết với khu vực FDI vẫn làm hạn chế khả năng tạo ra và giữ lại giá trị gia tăng trong nước.

Vì vậy, thách thức của doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn tới không còn chỉ là mở rộng quy mô hay tham gia sâu hơn vào thị trường quốc tế, mà là nâng cao chất lượng và vị trí tham gia. Doanh nghiệp cần chuyển từ ứng dụng sang làm chủ và sáng tạo công nghệ; từ cạnh tranh dựa trên chi phí sang cạnh tranh dựa trên năng suất, tri thức và đổi mới sáng tạo; từ tham gia các công đoạn giá trị thấp sang từng bước chiếm lĩnh các công đoạn có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Để thực hiện chuyển đổi đó, cần phát huy đồng bộ vai trò của doanh nghiệp, Nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Trong đó, doanh nghiệp phải giữ vị trí trung tâm, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo thể chế và môi trường thuận lợi, còn khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực và chuyển đổi số trở thành những nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh. Qua đó, phát huy vai trò của doanh nghiệp trong đổi mới sáng tạo và nâng cấp chuỗi giá trị toàn cầu không chỉ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam mà còn tạo động lực để gia tăng giá trị nội địa, nâng cao năng suất và chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng dựa nhiều hơn vào công nghệ, tri thức và đổi mới sáng tạo, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và trở thành nước có thu nhập cao vào năm 2045 ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2024). Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Hà Nội

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2025). Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

Cục Thống kê (2021). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2020.

Cục Thống kê (2022). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý năm 2021.

Cục Thống kê (2023). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2022.

Cục Thống kê (2024). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2023.

Cục Thống kê (2025). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024.

Cục Thống kê (2026). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2025.

Cục Đầu tư nước ngoài (2025). Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2024. Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Cục Đầu tư nước ngoài (2026). Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2025. Bộ Tài chính, Hà Nội.

Coppola, A., Dray, S., Wai-Poi, M., & Winkler, D. E (2024). Viet Nam 2045: Trading up in a changing world: Pathways to a high-income future. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099111424204523679/pdf/P1787841e077190d919b24181b4dcb14765.pdf>.

OECD(2025). OECD economic surveys: Viet Nam 2025. https://www.oecd.org/en/publications/oecd-economic-surveys-viet-nam-2025_fb37254b-en/full-report/harnessing-trade-and-investment-flows-to-boost-productivity_98d56c90.html

WIPO (2025). Overview of Viet Nam's rankings in the seven areas of the GII in 2025. <https://www.wipo.int/gii-ranking/en/viet-nam/section/area-rankings>.

WIPO (2025). Global innovation index 2025: Innovation at a crossroads. <https://www.wipo.int/gii-ranking/en/viet-nam>